

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HS-ST

Ngày 30 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 25/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn L, sinh ngày 13/3/1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 9, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B, sinh năm 1955 và bà Lê Thị T2, sinh năm 1956; có vợ là Lò Thị T3, sinh năm 1991 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 07/4/1980 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N2 (đã chết) và bà Đỗ Thị D, sinh năm 1958; có vợ là Phạm Thị L1, sinh năm 1983 và 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Bá T1, sinh ngày 10/3/1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá V, sinh năm 1942 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1940; có vợ là Lê Thị L2, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh

năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Lê Phong N, sinh ngày 06/10/1996 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1979; có vợ là Lò Thị T6, sinh năm 2000 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá T1: Bà Đặng Thị Minh L- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lê Văn N1, sinh năm 1946. Nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt N1ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N1 sau: Hồi 14 giờ 30 phút ngày 10/01/2023, tại nhà ông Lê Văn N1 ở thôn 7, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; Công an huyện K bắt quả tang 04 đối tượng đang đánh bạc, hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền, gồm: Nguyễn Văn T, Đặng Văn L, Nguyễn Bá T1, Lê Phong N. Thu giữ tại chiếu bạc 7.760.000 đồng và bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận: Trưa ngày 10/01/2023, Nguyễn Văn T, Đặng Văn L, Nguyễn Bá T1, Lê Phong N đến nhà ông Lê Văn N1 giỗ Cụ. Sau khi ăn uống xong, 04 đối tượng rủ nhau đánh bạc, hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền. Cả nhóm đi vào nhà dưới của ông N1 để đánh bạc, N lấy bộ bài có sẵn ở bàn, cả nhóm quy ước tỷ lệ 5.000 đồng, 10.000 đồng, 15.000 đồng tương ứng người về thứ hai, thứ ba, thứ tư phải trả cho người về nhất; người nào “cháy” phải trả cho người về nhất 20.000 đồng, người nào “ù” thì ba người còn lại mỗi người phải trả 30.000 đồng. T sử dụng 2.220.000 đồng, L sử dụng 3.120.000 đồng, T1 sử dụng 2.000.000 đồng, N sử dụng 420.000 đồng để đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc từ 14 giờ 15 phút đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K phát hiện, thu giữ vật chứng N1 trên. Quá trình đánh bạc, không có ai canh gác, canh giới, không ai thu tiền hồ, không ai cho vay tiền, cầm cố tài sản để đánh bạc.

Ông Lê Văn N1 trình bày: Sáng ngày 10/01/2023, ông tổ chức cúng giỗ bố để ông nên các cháu ông là T, T1, L, N đều có mặt để cúng giỗ. Khoảng 12 giờ ăn uống xong, ông đi ngủ ở nhà trên, mọi người ra về. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng

ngày ông thấy ồn ào, tỉnh giấc thì thấy Công an vào làm việc, khi đó ông mới biết 04 người đã đánh bạc tại nhà dưới cửa ông. Ông không thấy ai hỏi ông nhờ nhà để đánh bạc. Đối với bộ bài mà các đối tượng sử dụng đánh bạc thuộc quyền sở hữu của ông, không còn giá trị sử dụng, ông không yêu cầu nhận lại.

Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 119/KLGD ngày 04/5/2023 kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định, Nguyễn Bá T1 bị bệnh tâm thần phân liệt thể paranoid, bệnh ở giai đoạn ổn định. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F20.0. Tại các thời điểm trên, Nguyễn Bá T1 đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về vật chứng: Số tiền 7.760.000 đồng và bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận T1 bộ hành vi phạm tội N1 nội dung nêu trên và đồng ý với Quyết định của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc". Ngoài ra các bị cáo khai: Trước khi đánh bạc, các bị cáo không bàn bạc với ai, chỉ sau khi ăn uống xong các bị cáo mới rủ nhau đánh bạc, các bị cáo không xác định được ai đề xuất đánh bạc và quy ước đánh bạc. Bị cáo L mang theo 3.120.000 đồng, sử dụng 3.120.000 đồng để đánh bạc, thua 100.000 đồng, số tiền còn lại đã bị thu giữ; bị cáo T mang theo 2.220.000 đồng, sử dụng 2.220.000 đồng để đánh bạc, thắng 100.000 đồng, đều đã bị thu giữ; bị cáo T1 mang theo 2.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, không thắng, không thua; bị cáo N mang theo 420.000 đồng, sử dụng 420.000 đồng để đánh bạc, không thắng, không thua, đều đã bị thu giữ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 7.760.000 đồng. Ngôi nhà các bị cáo ngồi đánh bạc thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn N1. Khi các bị cáo đánh bạc tại nhà ông N1 thì ông N1 đã ngủ nên không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình. Quá trình đánh bạc, không ai canh gác, cảnh giới, không ai thu tiền hồ, không ai cho vay tiền, cầm cố tài sản để các bị cáo đánh bạc. Bị cáo L thu nhập trung bình 6.000.000 đồng/tháng, bị cáo T thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/tháng, bị cáo T1 không có thu nhập, bị cáo N thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/tháng. Đề nghị Thẩm phán xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giúp các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm. Ngoài ra bị cáo T1 đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 03/QĐ-VKS-KT, ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Đặng Văn L, Nguyễn Văn T, Lê Phong N, Nguyễn Bá T1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật N1 trên. Đề nghị Thẩm phán:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đặng Văn L: Từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo 02 ngày tạm giữ (từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023) bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo, mỗi tháng bị khấu trừ 600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: Từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo 02 ngày tạm giữ (từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023) bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo, mỗi tháng bị khấu trừ 500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T1: Từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo 02 ngày tạm giữ (từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023) bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Phong N: Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu số tiền 7.760.000 đồng do các bị cáo sử dụng đánh bạc để sung vào ngân sách Nhà nước; tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý).

Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá T1 không tranh luận về tội danh và khung hình phạt, tuy nhiên đề nghị Thẩm phán xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh bị cáo phạm tội là người khuyết tật nặng, trình độ học vấn thấp, phạm tội đơn giản. Do đó áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Về án phí, bị cáo là người khuyết tật nặng; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị miễn án phí hình sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Thẩm phán xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất, cải tạo tại địa phương, các bị cáo xin hứa không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Thẩm phán nhận định N1 sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và nội dung quyết định truy tố cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ 14 giờ 15 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 10/01/2023 tại nhà ông Lê Văn N1 thuộc thôn 7, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng có Đặng Văn L, Nguyễn Văn T, Lê Phong N, Nguyễn Bá T1 đánh bạc trái phép, hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 7.760.000 đồng. N1 vậy các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, đúng N1 Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị tại phiên tòa.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm, tính chất vụ án ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân; đồng thời là nguyên nhân, điều kiện phát sinh các loại tội phạm khác; cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc N1ng không xác định bị cáo nào đề xuất đánh bạc và quy ước đánh bạc nên các bị cáo có vai trò ngang nhau, tuy nhiên cần căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và số tiền của từng bị cáo sử dụng đánh bạc để quyết định hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp.

[5] Nhân thân các bị cáo: Đều không có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7.1] Các bị cáo Đặng Văn L, Nguyễn Văn T: Đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; các bị cáo có đơn xin bảo lãnh được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7.2] Bị cáo Nguyễn Bá T1: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; bị cáo là người khuyết tật nặng phạm tội; bị cáo có bố đẻ là thương binh loại A, hạng 4/4. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7.3] Bị cáo Lê Phong N: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; bị cáo có ông, bà nội là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Sau khi xem xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo. Thẩm phán thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, bị cáo T1 có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo khác có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo L, T, T1. Do bị cáo L sử dụng số tiền đánh bạc cao hơn các bị cáo khác nên L phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất; bị cáo T và bị cáo T1 sử dụng số tiền đánh bạc gần ngang nhau Nên bị cáo T ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn bị cáo T1 nên T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn T1. Bị cáo N sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất nên chịu trách nhiệm hình sự thấp nhất Nên đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Không có căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T1 Nên đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo T1 tại phiên tòa.

[9] Về khấu trừ thu nhập: Đối với bị cáo L có mức thu nhập trung bình 6.000.000 đồng/tháng, bị cáo T có mức thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/tháng nên khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo L, T trong thời gian cải tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự ; bị cáo T1 không có thu nhập nên miễn khấu trừ. Bị cáo N đã bị áp dụng phạt tiền là hình phạt chính nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo L, T đã bị khấu trừ một phần thu nhập; bị cáo T1 bị khuyết tật nặng, không có thu nhập, bị cáo N bị áp dụng phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[11] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 7.760.000 đồng và bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý). Xét số tiền này các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước; bộ bài tú lơ khơ là công cụ, phương tiện phạm tội thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn N1 N1ng ông N1 xác định không còn giá trị sử dụng, không yêu cầu nhận lại, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Trong vụ án này, chủ nhà là ông Lê Văn N1 không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng pháp luật.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo L, T, N không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo T1 là người khuyết tật nặng, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đặng Văn L: 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; trừ cho bị cáo 02 ngày tạm giữ (từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023) bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Đặng Văn L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Đặng Văn L với thời gian 18 tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; trừ cho bị cáo 02 ngày tạm giữ (từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023) bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành

phố Hải Phòng được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn T với thời gian 15 tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T1: 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; trừ cho bị cáo 02 ngày tạm giữ (từ ngày 10/01/2023 đến ngày 12/01/2023) bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Bá T1 cho Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự N1 sau: *“Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.*

Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án”

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Phong N: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc” để nộp vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ Biện pháp ngăn ngừa Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.760.000đ (Bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi lập ngày 16/5/2023 tại Kho bạc Nhà nước huyện K; tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo L, T, N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T1.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- PV 06; PC 10;
- UBND xã T;
- UBND xã Tân Phong;
- UBND phường H, quận Đ;
- Các bị cáo;
- Người chữa cho bị cáo T1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Diệu

đồng thời bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T1 “là người khuyết tật nặng”, quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

